

Bản án số: 28/2018/HS-PT
Ngày: 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;
Ông Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 23 và 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2017/HS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tấn L (tên gọi khác: H), sinh năm 1986, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Số nhà 36A, đường N, tổ 85, khu phố 13, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Hẻm 97, tổ 21, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1951; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/01/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1051/QĐ-UB áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng; ngày 13/4/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 130/2006/HS-ST ngày 26/10/2006 của Tòa án nhân dân thị xã T, buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung là 05 năm 09 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2007/HS-ST

ngày 13/4/2007. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Số nhà K269, khu phố 8, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Nguyễn Hữu H (chết) và bà Đoàn Thị Y, sinh năm 1951; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 16/6/2017 và tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Lê Thanh Đ1 (tên gọi khác: Đ1 mập), sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Số nhà 10C, đường C, khu phố 3, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Số nhà Y, tổ 72, khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Lê Văn L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, có 02 người con (người con lớn sinh năm 2008 và người con nhỏ sinh năm 2012).

Tiền án: Ngày 13/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2016/HS-ST; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/8/2008, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2008/HS-ST. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2017 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 01 bị cáo và 01 người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/5/2017, ông Hoàng Văn C điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển số 17B6 – 26536 đến giao lộ giữa đường L và đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì dừng xe để chờ đèn xanh. Lúc này, Nguyễn Hữu H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 61B1 – 29133 chở Nguyễn Tấn L lưu thông phía sau ông C thấy ông C điều khiển xe mô tô chạy trước lạng lách nên H nảy sinh ý định đánh ông C. Sau đó, H điều khiển xe đến áp sát xe của ông C rồi H và L bước xuống xe dùng tay và mũ bảo hiểm đánh nhiều cái vào đầu và người của ông C. Do bị đánh nên ông C bỏ xe mô tô ngã xuống đất và chạy bộ ra đường Q. Khi ông C bỏ chạy, H đến lấy xe mô tô của ông C chạy về nhà H cất giấu, còn L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 61B1 – 29133 chạy về nhà L. Đến sáng ngày 26/5/2017, L gọi điện thoại cho Lê Thanh Đ1 nói Đ1 có mua xe mô tô hiệu

Yamaha Exciter màu xanh biển số 17B6 – 26536 không có giấy tờ thì đến nhà H. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Lê Thanh Đ1 và Trần Ngọc Đ2 đến nhà H xem xe và đồng ý mua xe này với giá 7.500.000 đồng, xe không có biển số do H và L đã tháo vứt bỏ. Sau khi bán xe, L lấy 2.500.000 đồng, còn 5.000.000 đồng đưa cho H.

Sau khi mua xe mô tô của L và H thì Đ1 giao xe này cho Trần Ngọc Đ2 là người làm thuê cho Đ1 sử dụng và mỗi tháng Đ2 phải trả cho Đ1 từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 7.500.000 đồng. Do Đ1 có một Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng – đen – đỏ của T (không rõ lai lịch) cho Đ1 nên Đ1 kêu Đ2 đem xe mô tô đã mua sơn lại cho phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký xe của Đức. Sau khi Đ sơn xe xong, Đ đem bộ phận máy xe đến Thành phố Hồ Chí Minh đục lại số khung, số máy cho phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký xe mà Đ1 có để đối phó cơ quan chức năng khi sử dụng xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 101/KLTS-TTHS ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh biển số 17B6 – 26536 trị giá 37.000.000 đồng và đây là xe của ông Hoàng Văn C nên ngày 29/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T đã giao trả xe mô tô trên cho ông C. Hiện tại, ông C không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Tấn L và Nguyễn Hữu H nên không xem xét giải quyết.

Đối với hành vi đánh gây thương tích cho ông Cg của L và H, ông C không yêu cầu giám định thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T không xem xét xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2017/HS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H phạm tội “Cướp tài sản”, bị cáo Lê Thanh Đ1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2017.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2017.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ2 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/12/2017, bị cáo Nguyễn Tấn L và bị cáo Lê Thanh Đ1 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/12/2017, bị cáo Nguyễn Hữu H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H và bị cáo L kháng cáo bổ sung yêu cầu xác định lại tội danh cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H và bị cáo L khai bị cáo H nảy sinh ý định lấy xe của bị hại trước khi đánh bị hại; còn tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai: Các bị cáo nảy sinh ý định đánh bị hại trước, sau khi bị hại bỏ chạy thì bị cáo H mới nảy sinh ý định lấy xe của bị hại. Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn mâu thuẫn với nhau về nội dung vụ án. Các bị cáo thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo cho rằng, các bị cáo không phạm tội “Cướp tài sản” như Tòa án cấp sơ thẩm xử. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H còn khai thêm tình tiết: Lúc bị cáo L đang chạy theo đánh bị hại thì bị cáo H đến lấy xe của bị hại chạy về nhà của bị cáo H. Như vậy, bị cáo H đã lợi dụng lúc bị hại không chống cự được để lấy xe của bị hại nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ1 khai: Trước khi bị công an bắt, bị cáo đã nộp số tiền 15.000.000 đồng cho công an để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1 lập ngày 12 và 13 tháng 12 năm 2017 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Tấn L và Nguyễn Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội hoàn toàn thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra nhưng lại mâu thuẫn với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung bản án sơ thẩm. Cụ thể:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 25/5/2017, do thấy bị hại chạy xe lạng lách, va quẹt vào xe của các bị cáo nên các bị cáo Nguyễn Hữu H và Nguyễn Tấn L đã có

hành vi dùng vũ bảo hiểm và tay, chân tấn công người bị hại Hoàng Văn C. Khi thấy bị hại bỏ chạy, bị cáo H la lên “lấy xe nó luôn” và bị cáo đã lấy xe mô tô của bị hại chạy về nhà cất giấu. Sau đó, bị cáo H và L mang xe vừa chiếm đoạt được bán cho bị cáo Lê Thanh Đ1; bị cáo Đ1 bán lại cho bị cáo Trần Ngọc Đ2.

Như vậy, theo lời khai của các bị cáo L và H xác định các bị cáo đánh bị hại trước, sau đó mới nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bị hại; lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Trương Ngọc Th, phù hợp với bản tự khai ban đầu của các bị cáo H và L nên hành vi của các bị cáo H và L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không sử dụng lời khai của bị cáo H và L tại giai đoạn điều tra để làm căn cứ giải quyết vụ án mà chỉ sử dụng lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm để kết luận hành vi của các bị cáo H và L cấu thành tội “Cướp tài sản” là chưa chính xác và không phù hợp với việc sử dụng chứng cứ chứng minh tội phạm. Các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước trong việc chiếm đoạt tài sản của bị hại; sau khi bị hại bị đánh, bỏ chạy thoát thân để lại tài sản, các bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu xác định lại tội danh của các bị cáo H và L; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H và L thực hiện hành vi đánh bị hại trước, sau đó mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại nên cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào lời khai tại phiên tòa sơ thẩm để kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” là không đúng với hành vi của các bị cáo. Do đó, các bị cáo H và L yêu cầu xác định lại tội danh cho các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H, L và Đ1 đều có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình được quy định tại p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho bị hại được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo H có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau đây: Bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; cha của bị cáo H tham gia kháng chiến, được tặng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Giải phóng, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ1; Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đ1 cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là trước khi bị công an bắt, bị cáo đã giao số tiền 15.000.000 đồng cho bị cáo Đ2 để bị cáo Đ2 giao cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả về việc bị cáo đã đục lại số khung, số máy xe của bị hại có biên bản thỏa thuận giữa đại diện của gia đình bị cáo và bị hại. Tình tiết giảm nhẹ này là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Đ1. Mặt khác, bị cáo Đ1 chỉ vì bận bịu nên giới thiệu cho Đ2 mua xe để làm phương tiện đi lại, không có hưởng lợi trong việc tiêu thụ; sau khi bị công an phát hiện vụ việc bị cáo điện thoại yêu cầu bị cáo Đ2 mang xe giao nộp cho công an để trả lại cho bị hại nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, bị hại C khai bị hại mua xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh biển số 17B6 – 26536 với giá 47.000.000 đồng; theo hóa đơn giá trị gia tăng lập ngày 12/10/2016 của Công ty TNHH Một thành viên T thì xe mô tô nêu trên bị hại C mua với giá 35.970.000 đồng (bao gồm 3.270.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng). Như vậy, Bị hại C sử dụng xe mô tô này từ lúc mua cho đến ngày 25/5/2017 bị cướp xe là hơn 07 tháng nên chiếc xe đã bị hao mòn và không còn nguyên giá trị như ban đầu nhưng tại Kết luận định giá tài sản số 101/KLTS-TTHS ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận xe mô tô nêu trên có giá trị 37.000.000 đồng là có giá trị cao hơn so với giá xe bị hại mua ban đầu và Tòa án cấp sơ thẩm đã dùng kết quả định giá tài sản này để làm căn cứ giải quyết vụ án là không phù hợp với Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 02/3/2005 của Chính phủ quy định về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Thông tư số 55/2006/TT-BTC ngày 22/6/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 02/3/2005 về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chưa phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1 không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 243/2017/HS-ST ngày 12/12/2017 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về tội danh và hình phạt như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn L và Nguyễn Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2017.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/6/2017.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009”: Xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ1 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Tấn L, Nguyễn Hữu H và Lê Thanh Đ1 không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thành phố T; | 2 |
| - VKSND thành phố T; | 1 |
| - Chi cục THADS thành phố T; | 1 |
| - Phòng PV27 - Công an tỉnh BD; | |
| - Công an thành phố T; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 1 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |
| | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Huy Toàn

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Đắc Cường

Trần Văn Luông

Hoàng Huy Toàn